

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2011/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2011

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục chuyên nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2012. Thông tư này thay thế Quyết định số 13/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 18 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trung cấp chuyên nghiệp theo hình thức vừa làm vừa học.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan quản lý trường, Hiệu trưởng các trường trung cấp chuyên nghiệp, thủ trưởng các cơ sở được giao nhiệm vụ đào tạo trung cấp chuyên nghiệp, các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ
ĐÀO TẠO TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
THEO HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 46/2011/TT-BGDĐT
ngày 17 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) theo hình thức vừa làm vừa học (sau đây gọi tắt là TCCN vừa làm vừa học), bao gồm: Tổ chức đào tạo; Đánh giá học phần và bảo lưu kết quả học tập; Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với các trường TCCN; các cơ sở giáo dục có đào tạo TCCN theo hình thức vừa làm vừa học (sau đây gọi chung là các trường) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo TCCN vừa làm vừa học do trường xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo TCCN hệ chính quy. Căn cứ vào chương trình khung ngành, các trường xác định chương trình đào tạo của mình.

2. Các trường phải xác định được chuẩn đầu ra theo chương trình đào tạo TCCN vừa làm vừa học của mình. Trong chuẩn đầu ra phải khẳng định việc học sinh đạt được các kiến thức, kỹ năng và thái độ cụ thể khi tốt nghiệp.

Điều 3. Thời gian đào tạo

1. Thời gian cho một chương trình đào tạo trình độ TCCN vừa làm vừa học được tính từ khi khai giảng đến khi hoàn thành chương trình đào tạo của khóa học. Thời gian đào tạo được xác định trên cơ sở đảm bảo đủ thời gian để học sinh hoàn thành chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

- a) Từ ba đến bốn năm học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở;
- b) Hai năm học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- c) Từ một đến một năm rưỡi học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, đồng thời có chứng chỉ tốt nghiệp trình độ sơ cấp trở lên của giáo dục nghề nghiệp (có thời gian đào tạo từ một năm học trở lên và cùng nhóm ngành học).

2. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo TCCN vừa làm vừa học bao gồm thời gian áp dụng cho từng đối tượng đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này

cộng với thời gian tối đa học sinh được phép tạm ngừng học theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Quy chế này.

Điều 4. Điều kiện đào tạo

Trường được đào tạo TCCN vừa làm vừa học đối với các ngành khi có đủ các điều kiện sau đây:

1. Đã được cấp có thẩm quyền quyết định mở ngành đào tạo TCCN ở hệ chính quy.
2. Có đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo TCCN.
 - a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên;
 - b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đạt tối thiểu theo quy định về chương trình khung TCCN đối với ngành đào tạo;
 - c) Đã xây dựng hoàn chỉnh chương trình ngành đào tạo TCCN vừa làm vừa học;
 - d) Có kế hoạch đào tạo TCCN vừa làm vừa học.
3. Được cơ quan có thẩm quyền xác định chỉ tiêu đào tạo TCCN.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo cho khóa học và lựa chọn hình thức tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch giảng dạy cho phù hợp với điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

2. Đầu khóa học, nhà trường phải thông báo cho giáo viên và học sinh về quy chế đào tạo; nội dung và kế hoạch học tập của chương trình đào tạo; nội dung chương trình đào tạo cho từng học kỳ; danh sách các học phần bắt buộc và học phần tự chọn, hình thức thi các học phần; quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh.

3. Việc bố trí dạy học đảm bảo số tiết dạy lý thuyết trên lớp tối đa là 6 tiết/01 buổi; 9 tiết/01 ngày (02 buổi); số giờ cho thực tập không quá 8 giờ/một ngày.

4. Khoa (hoặc tổ bộ môn) phân công giáo viên dạy đúng ngành được đào tạo và theo dõi, giám sát việc thực hiện chương trình.

5. Khi thực hiện chương trình đào tạo, giáo viên phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Có kế hoạch giảng dạy, giáo án, đề cương bài giảng được tổ trưởng tổ bộ môn phê duyệt. Giảng bài đúng kế hoạch được giao và thực hiện các quy định khác về quản lý lớp học;

b) Không được tự ý thay đổi trình tự thực hiện các học phần trong chương trình đào tạo hoặc tùy tiện cắt giảm nội dung chương trình;

c) Đánh giá kết quả học tập của học sinh và báo cáo tổ bộ môn hoặc cho phòng đào tạo kết quả tự đánh giá việc thực hiện chương trình đào tạo các nội dung: điều kiện đảm bảo chất lượng, nội dung chương trình học phần, tình hình học tập, thái độ học tập của học sinh và đề xuất, kiến nghị với nhà trường các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 6. Điều chỉnh chương trình đào tạo

1. Căn cứ vào nhu cầu của xã hội, đặc điểm ngành học và đối tượng đào tạo, Hiệu trưởng có thể điều chỉnh nội dung, thời lượng chương trình, nhưng không được quá 25% thời lượng của chương trình nhằm đảm bảo chuẩn đầu ra ngành đào tạo TCCN. Tổng số đơn vị học trình của chương trình (sau khi đã điều chỉnh) vẫn đảm bảo bằng hoặc lớn hơn tổng số đơn vị học trình trong chương trình đã đăng ký đào tạo của trường.

2. Việc điều chỉnh chương trình chỉ được thực hiện vào đầu khóa học.

Điều 7. Quản lý chương trình đào tạo

1. Cấp có thẩm quyền phê duyệt đăng ký mở ngành có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo việc điều chỉnh chương trình; Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, kiểm tra việc thực hiện điều chỉnh chương trình.

2. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và phê duyệt việc biên soạn tài liệu, giáo án, đề cương bài giảng các học phần;

b) Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm, sửa đổi, bổ sung chương trình nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo của người học và thị trường lao động;

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo của giáo viên và các khoa, tổ chuyên môn để nâng cao chất lượng đào tạo.

Điều 8. Điều kiện để học sinh được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, được tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học

1. Cuối mỗi năm học, nhà trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của học sinh trong năm học đó, điểm của tất cả các học phần đã học tính từ đầu khóa học và kết quả rèn luyện của học sinh trong năm học đó để xét việc cho học sinh được học tiếp, được nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học.

2. Học sinh được học tiếp lên năm học sau nếu có đủ các điều kiện dưới đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học đạt từ 5,0 trở lên;

b) Có khối lượng các học phần bị điểm dưới 5 tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không quá 20 đơn vị học trình;

c) Không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc bị buộc thôi học.

3. Học sinh có thể làm đơn đề nghị nhà trường cho phép được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Bị ốm đau hoặc bị tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

b) Do nguyện vọng cá nhân, học sinh phải học ít nhất một học kỳ ở trường và phải đạt điểm trung bình chung các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân do Hiệu trưởng quy định và phải được tính vào thời gian học chính thức tại trường của học sinh quy định tại khoản 1 Điều 3 của Quy chế này;

c) Các trường hợp nghỉ học tạm thời khi muốn được trở lại tiếp tục học tập phải gửi đơn tới Hiệu trưởng nhà trường ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới hoặc năm học mới.

4. Học sinh không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này được quyền tạm ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập.

a) Học sinh không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền tạm ngừng học để củng cố kiến thức không quá ba năm trong toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ ba đến bốn năm học, không quá hai năm đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ một đến hai năm học;

b) Trong thời gian được tạm ngừng học, học sinh phải đăng ký học lại các học phần chưa đạt yêu cầu nếu là học phần bắt buộc; đăng ký học lại hoặc có thể đăng ký học chuyển qua học phần mới nếu là học phần tự chọn và đảm bảo điều kiện tiên quyết theo quy định tại chương trình khung trung cấp chuyên nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hiệu trưởng xem xét bố trí cho các học sinh này được học một số học phần của năm học tiếp theo nếu họ đề nghị.

5. Học sinh bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp dưới đây:

a) Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 4,0;

b) Có điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học dưới 4,5;

c) Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

d) Vi phạm kỷ luật ở mức buộc thôi học.

Những trường hợp học sinh bị buộc thôi học, nhà trường phải thông báo về địa phương (nơi học sinh có hộ khẩu thường trú) và gia đình chậm nhất 15 ngày kể từ ngày ký quyết định.

6. Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng để xét cho học sinh được học tiếp, nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học hoặc bị buộc thôi học. Số lượng, thành phần của Hội đồng do Hiệu trưởng quy định.

Điều 9. Ưu tiên trong đào tạo

1. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh TCCN hiện hành được hưởng chế độ ưu tiên trong đào tạo.

2. Học sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được tạm ngừng học không quá bốn năm trong toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ ba đến bốn năm học; không quá ba năm cho toàn khóa học đối với các chương trình có thời gian đào tạo từ một đến hai năm học.

3. Trong thời gian được tạm ngừng học để học lại các học phần chưa đạt yêu cầu, học sinh thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

4. Đối với học sinh học đúng ngành đang làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp, được Hiệu trưởng xem xét miễn giảm thực tập nhưng phải làm báo cáo thực tập và không được miễn thi.

Điều 10. Điều kiện, thủ tục chuyển trường

1. Học sinh được chuyển trường nếu có các điều kiện dưới đây:

a) Trường xin chuyển đến có đào tạo ngành học mà học sinh đang theo học ở trường xin chuyển đi;

b) Đã hoàn thành ít nhất một học kỳ;

c) Có đơn xin chuyển trường và được hiệu trưởng trường chuyển đi và trường chuyển đến đồng ý.

2. Thủ tục chuyển trường:

a) Học sinh xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có học sinh xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của học sinh như: năm học, số học phần mà học sinh chuyển đến trường phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

c) Thời hạn xem xét đơn xin chuyển trường và trả lời học sinh không được kéo dài quá 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của học sinh. Trường hợp không cho phép học sinh chuyển trường, Hiệu trưởng phải ghi rõ lý do và thông báo để học sinh biết.

3. Học sinh bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên đang trong thời gian rèn luyện thử thách không được chuyển trường.

4. Học sinh chuyển trường được chứng nhận và bảo lưu kết quả học tập đã đạt được ở trường cũ.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN VÀ BẢO LƯU KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 11. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Nhà trường tổ chức việc thi kết thúc học phần. Việc tổ chức thi kết thúc học phần có thể được tiến hành ngay sau khi học hết học phần hoặc vào cuối mỗi học kỳ và do Hiệu trưởng quy định. Những học sinh không tham dự lần thi thứ nhất hoặc có điểm học phần dưới 5 ở lần thi thứ nhất sẽ được dự thi ở lần sau do Hiệu trưởng quyết định.

Học sinh nghỉ học quá 20% số tiết quy định cho mỗi học phần thì không được dự thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Những học sinh này sau khi tham gia học bổ sung đủ nội dung kiến thức còn thiếu của học phần đó thì được dự thi kết thúc học phần ở lần thi sau. Học sinh không tham gia học bổ sung nội dung kiến thức còn thiếu của học phần do nghỉ học quá thời gian theo quy định mà không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 để tính là điểm thi kết thúc học phần của học phần đó.

2. Học sinh vắng thi có lý do chính đáng được phép hoãn thi. Nhà trường bố trí cho những học sinh này dự thi vào lần thi tiếp theo. Điểm thi được tính là lần thi thứ nhất. Hiệu trưởng quy định điều kiện và thủ tục cho học sinh xin hoãn thi.

3. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian thi trong kế hoạch thời gian dành cho thi ở mỗi học kỳ. Thời gian làm bài thi kết thúc học phần đối với mỗi bài thi viết tự luận từ 90 phút đến 120 phút, đối với mỗi bài thi trắc nghiệm từ 45 phút đến 60 phút. Đối với các môn học đặc thù, thời gian thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định.

Điều 12. Đánh giá học phần

1. Tùy theo từng học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc học phần.

a) Điểm kiểm tra thường xuyên là điểm kiểm tra đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra thực hành hoặc kiểm tra viết với thời gian dưới 45 phút;

b) Điểm kiểm tra định kỳ là điểm kiểm tra hết chương, kiểm tra bài thực hành, thực tập hoặc từng phần chính của học phần, thời gian từ 45 phút trở lên;

c) Điểm thi kết thúc học phần là điểm thi để kết thúc học phần do nhà trường tổ chức vào cuối mỗi học kỳ hoặc sau khi kết thúc học phần.

2. Điểm học phần là trung bình cộng của điểm thi kết thúc học phần và điểm trung bình các điểm kiểm tra.

Điểm trung bình các điểm kiểm tra là trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm, trong đó điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2.

3. Việc lựa chọn hình thức kiểm tra, số lần kiểm tra do Hiệu trưởng quy định và phải được công bố công khai cho học sinh biết trước khi vào học học phần nhưng phải đảm bảo cứ mỗi học phần phải có ít nhất 1 điểm kiểm tra thường xuyên và 1 điểm kiểm tra định kỳ cho mỗi học sinh.

4. Giáo viên giảng dạy trực tiếp ra đề, tổ chức kiểm tra và chấm các bài kiểm tra của học phần.

Điều 13. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi kết thúc học phần

1. Nội dung đề thi phải phù hợp với nội dung kiến thức cơ bản của học phần đã quy định trong chương trình. Quy trình ra đề thi kết thúc học phần do Hiệu trưởng quy định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, thực hành, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng quyết định các hình thức thi thích hợp cho từng học phần và thông báo công khai cho học sinh biết từ đầu năm học.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần đối với các bài thi viết chỉ được thực hiện sau khi đã rọc phách bài thi. Kết quả chấm thi viết phải được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

Hiệu trưởng quy định quy trình chấm thi, thống nhất cách cho điểm bài thi, bảo quản và lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết sau khi chấm ít nhất là sau khi kết thúc khóa học.

4. Việc chấm thi vấn đáp và chấm thi thực hành phải thực hiện theo mẫu phiếu chấm thi quy định, trong đó tương ứng với mỗi nội dung đánh giá, giáo viên phải ghi ý kiến nhận xét, điểm từng phần và điểm tổng vào phiếu chấm thi. Điểm thi vấn đáp được công bố sau mỗi buổi thi khi hai giáo viên chấm thi thống nhất được điểm chấm. Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức các mẫu phiếu chấm thi đối với các môn thi vấn đáp, thực hành.

5. Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của hai giáo viên chấm thi và có xác nhận của trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa. Bảng điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải được quản lý và lưu giữ tại bộ môn và gửi về văn phòng khoa, phòng đào tạo chậm nhất là một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

6. Học sinh được quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi kết thúc học phần đối với những môn thi viết tự luận, thời gian xin phúc khảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi kết thúc học phần. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo cho học sinh.

Điều 14. Thi lại, thi trả nợ và bảo lưu kết quả học phần

1. Học sinh thi không đạt hoặc bỏ thi không có lý do chính đáng ở lần thi thứ nhất, được dự thi lại tối đa là hai lần.

2. Học sinh vắng mặt trên lớp quá mức quy định cho một học phần (nghỉ học quá 20% số tiết quy định cho mỗi học phần) phải đăng ký để học bổ sung nội dung kiến thức còn thiếu của học phần đó; Học sinh chưa hoàn thành 2/3 các bài thi nghiệm, thực hành, bài tập, tiểu luận, bài tập lớn, nếu làm bổ sung đầy đủ, sẽ được dự thi ở lần thi lại.

3. Học sinh sau ba lần thi, điểm học phần vẫn không đạt 5,0 trở lên, phải đăng ký học lại để thi trả nợ học phần.

4. Học sinh đã tốt nghiệp TCCN hoặc trình độ cao hơn được bảo lưu kết quả (miễn học và thi) các học phần tương đương về nội dung và có kết quả học phần đạt từ 5,0 điểm trở lên.

Hiệu trưởng quy định về thời gian tổ chức thi lại, điều kiện và thủ tục cho học sinh được đăng ký học để thi trả nợ học phần và bảo lưu kết quả học tập.

Điều 15. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập

1. Điểm đánh giá bộ phận (bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ), điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 và làm tròn đến phần nguyên.

2. Điểm đánh giá học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân.

3. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, khóa học là trung bình cộng các điểm học phần trong mỗi học kỳ, mỗi năm học và cả khóa học theo hệ số của từng học phần và được lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn.

Hệ số của học phần tùy thuộc số học trình của mỗi học phần. Mỗi đơn vị học trình tương ứng với một hệ số.

4. Điểm học phần, điểm trung bình chung học tập để xét cấp học bổng (nếu có), xét khen thưởng cho học sinh chỉ được tính kết quả điểm thi kết thúc học phần lần thứ nhất. Điểm học phần và điểm trung bình chung học tập để xét học sinh được học tiếp, tạm ngừng học, bị buộc thôi học và xét tốt nghiệp được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi kết thúc học phần.

5. Xếp loại kết quả học tập:

a) Điểm trung bình chung học tập là căn cứ để xếp loại học tập của học sinh, cụ thể:

- Loại xuất sắc: từ 9,0 đến 10.

- Loại giỏi: từ 8,0 đến 8,9.

- Loại khá: từ 7,0 đến 7,9.
- Loại trung bình khá: từ 6,0 đến 6,9.
- Loại trung bình: từ 5,0 đến 5,9.
- Loại yếu: từ 4,0 đến 4,9.
- Loại kém: dưới 4,0;

b) Học sinh có điểm trung bình chung học tập xếp từ loại khá trở lên bị hạ xuống một bậc nếu có từ 20% trở lên số học phần có điểm dưới 5,0 ở lần thi thứ nhất.

Chương IV

THI TỐT NGHIỆP VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 16. Điều kiện được dự thi tốt nghiệp

1. Học sinh có đủ các điều kiện sau thì được dự thi tốt nghiệp:

- a) Tại thời điểm thi tốt nghiệp, không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Đã tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo và không có học phần bị điểm dưới 5.

2. Học sinh không được dự thi tốt nghiệp do không đảm bảo điều kiện quy định tại điểm b, khoản 1 của Điều này, nếu có điểm trung bình chung học tập của năm học cuối khóa không nhỏ hơn 4,0, điểm trung bình chung học tập toàn khóa không nhỏ hơn 4,5 và thời gian học tập tại trường của học sinh vẫn đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này thì Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho học sinh được học lại các học phần chưa đạt yêu cầu rồi xét điều kiện dự thi tốt nghiệp. Nếu học sinh đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp thì được dự thi trong các kỳ thi tốt nghiệp tiếp sau. Thời gian và kế hoạch học lại, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp và thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định.

3. Trước khi tổ chức thi tốt nghiệp, Hiệu trưởng thành lập hội đồng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp cho học sinh cuối khóa. Thành phần, số lượng thành viên của hội đồng do Hiệu trưởng quy định.

Điều 17. Môn thi, hình thức và nội dung thi tốt nghiệp

1. Môn thi tốt nghiệp bao gồm: Chính trị, Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, Thực hành nghề nghiệp.

2. Đối với hệ đào tạo mà đối tượng tuyển sinh là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở thì ngoài ba môn thi tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, học sinh phải thi tốt nghiệp thêm ba môn văn hóa. Hiệu trưởng nhà trường quy định các môn thi, thời gian tổ chức thi các môn văn hóa và thông báo công khai từ đầu khóa học.

3. Hình thức thi: Căn cứ vào điều kiện cụ thể ngành đào tạo của trường, Hiệu trưởng quy định hình thức thi tốt nghiệp cho phù hợp.

4. Nội dung các môn thi tốt nghiệp:

a) Nội dung thi tốt nghiệp môn Chính trị thuộc nội dung chương trình môn Chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Nội dung thi tốt nghiệp môn Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp là những kiến thức được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức cơ sở và chuyên môn trong chương trình đào tạo;

c) Nội dung thi tốt nghiệp môn Thực hành nghề nghiệp thuộc những kỹ năng thực hành nghề nghiệp cơ bản, chuyên sâu được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kỹ năng chuyên môn trong chương trình đào tạo;

d) Nội dung thi tốt nghiệp các môn văn hóa là những kiến thức cơ bản được tổng hợp từ một số học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức các môn văn hóa trong chương trình theo quy định.

Điều 18. Hội đồng thi tốt nghiệp

1. Thành phần của hội đồng thi tốt nghiệp bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là Hiệu trưởng hoặc phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Phó chủ tịch hội đồng là phó Hiệu trưởng hoặc trưởng phòng đào tạo;

c) Ủy viên thư ký là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng đào tạo;

d) Các ủy viên gồm các trưởng khoa, trưởng phòng, tổ trưởng bộ môn và các thành phần khác do Hiệu trưởng quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thi tốt nghiệp:

a) Giúp Hiệu trưởng tổ chức, chỉ đạo kỳ thi tốt nghiệp theo các quy định tại Quy chế này và kế hoạch của nhà trường;

b) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho hội đồng thi tốt nghiệp, gồm ban thư ký, ban đề thi, ban coi thi, ban chấm thi. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch Hội đồng thi tốt nghiệp.

- Ban thư ký do ủy viên thư ký hội đồng làm trưởng ban;

- Ban đề thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban. Ban đề thi gồm các tiểu ban, mỗi môn thi do một tiểu ban phụ trách. Số lượng mỗi tiểu ban không quá 3 người, trong đó có một người làm trưởng tiểu ban;

- Ban coi thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban;

- Ban chấm thi do chủ tịch hoặc phó chủ tịch hội đồng kiêm nhiệm làm trưởng ban. Ban chấm thi gồm các tiểu ban, mỗi tiểu ban phụ trách chấm một môn thi tốt nghiệp. Số lượng người trong mỗi tiểu ban tùy theo số lượng bài thi của môn thi và

Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp quyết định. Mỗi tiểu ban có tối thiểu 3 người, trong đó có một người làm trưởng tiểu ban;

c) Phân công tổ chức và theo dõi kỳ thi, bảo đảm thực hiện nội quy và xử lý các trường hợp vi phạm nội quy theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này;

d) Xét duyệt kết quả thi tốt nghiệp và giải quyết các đơn khiếu nại (nếu có); trình Hiệu trưởng danh sách học sinh được công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh không được công nhận tốt nghiệp;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan tới thi tốt nghiệp theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

3. Thường trực hội đồng thi tốt nghiệp gồm chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng và ủy viên thư ký. Thường trực hội đồng có các nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu cần thiết cho các phiên họp toàn thể hội đồng;

b) Giải quyết các công việc giữa hai kỳ họp của hội đồng theo đúng quy chế, và báo cáo kết quả công việc với hội đồng trong phiên họp tiếp theo;

c) Tập họp và phân loại kết quả thi tốt nghiệp và trình bày trước hội đồng để xét công nhận tốt nghiệp.

4. Hội đồng phải có lịch họp toàn thể trong thời gian chỉ đạo và tổ chức kỳ thi, quy định rõ nội dung từng phiên họp, mỗi phiên họp đều phải có biên bản. Các kiến nghị của hội đồng và biên bản trong các phiên họp đều phải có chữ ký của chủ tịch hội đồng và ủy viên thư ký để trình Hiệu trưởng.

5. Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các ban giúp việc cho hội đồng thi tốt nghiệp do chủ tịch hội đồng quy định.

Điều 19. Coi thi tốt nghiệp

1. Hội đồng thi tốt nghiệp xây dựng kế hoạch và tổ chức phương án coi thi, chuẩn bị chu đáo mọi điều kiện cho công tác coi thi, đảm bảo sự quản lý chặt chẽ, nghiêm túc ở tất cả các khâu trong quá trình coi thi.

2. Phổ biến nội quy thi đến từng cán bộ coi thi và thí sinh dự thi. Niêm yết đầy đủ, công khai những thông tin cần thiết về thi tốt nghiệp.

3. Đảm bảo mỗi phòng thi phải có hai cán bộ coi thi. Tùy điều kiện về phòng thi, bố trí số lượng cán bộ giám sát phòng thi cho phù hợp đồng thời đảm bảo được yêu cầu của nhiệm vụ coi thi.

Điều 20. Chấm thi tốt nghiệp

1. Thang điểm chấm thi tốt nghiệp là thang điểm 10, các ý nhỏ được chấm đến 0,25 điểm. Nếu điểm toàn bài có điểm lẻ là 0,25 thì quy tròn thành 0,5, có điểm lẻ là 0,75 thì quy tròn là 1,0. Nếu chấm theo thang điểm khác với thang điểm 10 thì sau khi chấm xong phải quy đổi về thang điểm 10. Việc quy đổi phải được Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp quyết định và thông báo công khai từ trước khi chấm thi.

2. Chủ tịch hội đồng thi tốt nghiệp quy định quy trình chấm thi theo nguyên tắc:

- a) Tất cả các bài thi viết phải được rọc phách trước khi chấm;
- b) Chấm thi viết phải do hai giáo viên thực hiện theo quy trình chấm hai vòng độc lập, sau đó thống nhất kết quả chấm cho từng bài thi;
- c) Chấm thi vấn đáp và thực hành phải đảm bảo có hai giáo viên tham gia đối với mỗi bài thi. Sau khi chấm phải thống nhất điểm từng bài thi. Trường hợp hai người chấm không thống nhất được điểm bài thi phải lập biên bản báo cáo với trưởng tiểu ban, trưởng ban chấm thi quyết định biện pháp xử lý.

3. Học sinh có quyền làm đơn xin phúc khảo về điểm thi tốt nghiệp đối với những môn thi viết, thời gian xin phúc khảo trong vòng 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi tốt nghiệp. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức phúc khảo và công bố kết quả phúc khảo cho học sinh.

Trường hợp có đơn xin phúc khảo thì việc tổ chức chấm phúc khảo phải tiến hành quy trình chấm phúc khảo theo quy định của Quy chế tuyển sinh TCCN hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 21. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

1. Những học sinh có đủ các điều kiện sau thì được công nhận tốt nghiệp:

- a) Điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp (ĐTB_{TN}) đạt từ 5,0 trở lên (điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm thi tốt nghiệp);
- b) Tối đa chỉ một môn thi tốt nghiệp có điểm thi dưới 5,0 nhưng không được thấp hơn 4,5;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp, học sinh không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng thi về xét tốt nghiệp trường, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những học sinh đủ các điều kiện theo quy định.

3. Những học sinh không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp do không đạt các yêu cầu về điểm thi tốt nghiệp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này hoặc vì lý do đặc biệt không dự thi đủ các môn học, được nhà trường tổ chức thi lại những môn chưa đạt yêu cầu trong thời gian từ 3 đến 6 tháng kể từ ngày trường công bố kết quả thi tốt nghiệp. Nội dung thi, hình thức thi, ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi, xét và công nhận tốt nghiệp cho những học sinh này được thực hiện như kỳ thi tốt nghiệp chính thức và do Hiệu trưởng quy định. Học sinh thi lại tốt nghiệp đối với môn thi chưa đạt yêu cầu ở đợt sau nếu kết quả vẫn chưa đạt thì được thi lại ở các kỳ thi sau do Hiệu trưởng quyết định.

4. Những học sinh không đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp do bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, tính đến thời điểm xét công nhận tốt nghiệp thì bị hoãn công nhận tốt nghiệp. Tùy theo mức độ

vi phạm, thời gian hoãn công nhận tốt nghiệp ít nhất là 6 tháng và do Hiệu trưởng quyết định. Trong khoảng thời gian đó, nếu học sinh được chính quyền địa phương nơi cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc xác nhận có ý thức tu dưỡng rèn luyện tốt thì được xét công nhận tốt nghiệp.

Điều 22. Xếp loại tốt nghiệp

1. Việc xếp loại tốt nghiệp được căn cứ vào điểm học tập toàn khóa. Điểm học tập toàn khóa là trung bình cộng điểm trung bình chung các học phần toàn khóa học và điểm trung bình các môn thi tốt nghiệp như sau:

$$\text{ĐHT}_{TK} = \frac{\text{ĐTBC}_{TK} + \text{ĐTB}_{TN}}{2}$$

Trong đó: ĐHT_{TK} là điểm học tập toàn khóa; ĐTBC_{TK} là điểm trung bình chung các học phần toàn khóa học; ĐTB_{TN} là điểm trung bình chung các môn thi tốt nghiệp.

Điểm học tập toàn khóa được lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn.

2. Việc xếp loại tốt nghiệp được thực hiện trên cơ sở căn cứ vào điểm học tập toàn khóa, cụ thể như sau:

TT	Điểm học tập toàn khóa	Xếp loại tốt nghiệp
1	Từ 9,0 đến 10 điểm	Xuất sắc
2	Từ 8,0 đến 8,9	Giỏi
3	Từ 7,0 đến 7,9	Khá
4	Từ 6,0 đến 6,9	Trung bình khá
5	Từ 5,0 đến 5,9	Trung bình

3. Học sinh thuộc diện thi lại tốt nghiệp không được xếp hạng tốt nghiệp loại giỏi hoặc loại xuất sắc.

4. Những học sinh có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có thời gian học chính thức tại trường vượt quá thời gian quy định cho chương trình đào tạo;

b) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 20% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho toàn khóa học;

c) Bị kỷ luật trong thời gian học từ mức cảnh cáo trở lên.

Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp

1. Học sinh được công nhận tốt nghiệp sẽ được cấp bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành về quản lý văn bằng, chứng chỉ. Bằng tốt nghiệp TCCN vừa làm vừa học được cấp theo ngành đào tạo. Bằng tốt nghiệp chỉ được cấp cho học sinh khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên phôi bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Học sinh chưa tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các học phần đã học trong chương trình đào tạo của trường.

3. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp cho học sinh được công nhận tốt nghiệp. Lễ trao bằng tốt nghiệp được tổ chức chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp.

4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ tốt nghiệp, gửi quyết định kèm theo danh sách công nhận tốt nghiệp về cơ quan quản lý trường. Thời gian gửi chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp.

Điều 24. Chế độ báo cáo và kiểm tra

1. Trước kỳ thi tốt nghiệp ít nhất là 15 ngày, Hiệu trưởng phải báo cáo với cơ quan, tổ chức quản lý trường về kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi tốt nghiệp, Hiệu trưởng phải báo cáo cơ quan, tổ chức quản lý trường về tình hình tổ chức đào tạo, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp, quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách học sinh được công nhận và không công nhận tốt nghiệp, những vấn đề đặc biệt khác có liên quan đến thi và công nhận tốt nghiệp của trường.

Điều 25. Quản lý và lưu trữ hồ sơ

Hiệu trưởng trường chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ đào tạo TCCN vừa làm vừa học.

Hồ sơ được lưu trữ tại trường bao gồm hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ đào tạo và hồ sơ tốt nghiệp. Hồ sơ phải được lưu trữ theo các quy định hiện hành của pháp luật về lưu trữ hồ sơ.

**Chương V
XỬ LÝ VI PHẠM****Điều 26. Xử lý kỷ luật đối với học sinh vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, thi kết thúc học phần, thi tốt nghiệp (sau đây gọi tắt là thi, kiểm tra) nếu vi phạm quy chế, học sinh sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Học sinh thi hộ hoặc nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với học sinh vi phạm như sau:

a) Khiển trách và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 25% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

b) Cảnh cáo và cho tiếp tục làm bài nhưng trừ 50% điểm bài thi hoặc bài kiểm tra;

c) Đình chỉ làm bài thi, bài kiểm tra và phải nhận điểm 0;

d) Riêng đối với thi tốt nghiệp, ngoài các hình thức xử lý nêu trên, tùy theo mức độ vi phạm có thể xử lý ở mức đình chỉ thi đối với môn thi đã vi phạm và các môn thi còn lại. Những môn thi bị đình chỉ đều phải nhận điểm 0./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga